

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 551/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-10-2018
V/v: Ly hôn giữa chị X và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Nguyễn Đình Cải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

Ngày 30-10-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2018/TLST-HNGĐ ngày 10-9-2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12-10-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị X, sinh năm 1967

Địa chỉ cư trú tại: Số nhà 28/107 đường A, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1963

Địa chỉ cư trú tại: Số nhà 28/107 đường A, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Chị X có mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10-9-2018, quá trình tham gia tố tụng tại Toà án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phùng Thị X trình bày:

Chị và anh N tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn năm 1991 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Tế X, thành phố N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên phát sinh quá nhiều bất đồng trong cuộc sống, chị

cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Liên H, sinh 1991 và Trần Minh T, sinh 1997. Các con đều đã trưởng thành tự lập.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ, Tổ trưởng Tổ dân phố số 20, phường T, thành phố N nơi cư trú của đương sự đã xác nhận vợ chồng chị X anh N trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Do anh N ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Nay chị X xin ly hôn, Tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; ngoài ra còn được tổng đạt Giấy triệu tập nhiều lần; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không đến Tòa án giải quyết, không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị X anh Trần Văn N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 1991 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quan hệ vợ chồng chị X và anh N phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh N ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên phát sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống, chị cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh N không thay đổi; chị X xác định tình cảm không còn nên kiên quyết xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh N, không đến Tòa án giải quyết mâu thuẫn gia đình; chứng tỏ vợ chồng chị X không thể khắc phục được mâu thuẫn đã nên hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Liên H, sinh 1991 và Trần Minh T, sinh 1997. Các con đều đã trưởng thành tự lập nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Chị Phùng Thị X không yêu cầu nên Tòa án cũng không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phùng Thị X và anh Trần Văn N.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000258 ngày 10-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Chị Phùng Thị X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND P.T;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHI

Trần Công Khánh